

Số: 417 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19
(Từ 16h00 ngày 26/3/2022 đến 16h00 ngày 27/3/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 481,4 triệu ca, trong đó trên 6,1 triệu ca tử vong.

Tây Ban Nha hướng tới sống chung với COVID-19. Nước này đang thúc đẩy các nỗ lực đưa nhịp sống của người dân trở lại trạng thái bình thường mới sống chung an toàn với COVID-19. Theo đó, từ tuần tới sẽ bãi bỏ các biện pháp cách ly bắt buộc đối với những người mắc COVID-19 không có triệu chứng hoặc triệu chứng nhẹ. Theo quy định hiện tại, người mắc COVID-19 phải cách ly trong 7 ngày. Ngoài ra, kể từ ngày 28/3, việc miễn phí xét nghiệm COVID-19 sẽ chỉ được áp dụng đối với các nhóm có nguy cơ cao tại các cơ sở chăm sóc sức khỏe, các viện dưỡng lão, cũng như đối với bệnh nhân mắc các bệnh lý nền nặng. Trong bối cảnh tỷ lệ tiêm phòng đạt mức cao, tỷ lệ mắc COVID-19 trong 14 ngày qua tại Tây Ban Nha vào khoảng 400 ca mới trên 100.000 người.

Trong vòng 2 tuần tới New Zealand sẽ bãi bỏ các quy định phòng dịch, trong bối cảnh đợt bùng phát do biến thể Omicron đang dịu bớt. Từ ngày 1/4 tới người dân sẽ không cần xuất trình chứng nhận tiêm chủng khi đến những địa điểm như cửa hàng bán lẻ, nhà hàng, quán bar. Quy định bắt buộc tiêm chủng sẽ được dỡ bỏ đối với một số nhóm như giáo viên, cảnh sát, nhân viên phục vụ, tuy nhiên vẫn áp dụng đối với các nhân viên y tế, nhân viên tại các cơ sở dưỡng lão, lực lượng liên quan biên giới và các nhân viên quản giáo. Các quy định hạn chế vẫn được áp dụng bao gồm bắt buộc đeo khẩu trang ở tại địa điểm trong không gian kín như các cửa hàng, trên phương tiện giao thông công cộng và trẻ em từ 8 tuổi trở lại trong lớp học trực tiếp tại trường.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 27/3/2022, cả nước ghi nhận 9.011.473 ca mắc, trong đó 9.005.332 ca trong nước. Đến nay đã có 5.351.978 người khỏi bệnh, 42.258 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 9.008.621 ca, trong đó có 9.003.762 ca trong nước, 5.349.161 người đã khỏi bệnh (59,4%), 42.223 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày

1. Số ca mắc mới trong ngày

- Ghi nhận 91.916 ca mắc mới trong nước (giảm 11.208 ca so với ngày hôm qua) tại 61 tỉnh, thành phố: Hà Nội (10.252), Bắc Giang (3.997), Yên Bái (3.977), Nghệ An (3.976), Đắk Lắk (3.909), Phú Thọ (3.638), Lào Cai (3.430), Lạng Sơn (3.121), Thái Bình (2.798), Vĩnh Phúc (2.768), Quảng Ninh (2.553), Hà Giang (2.518), Quảng Bình (2.501), Thái Nguyên (2.435), Sơn La (2.206), Tuyên Quang (2.092), Cao Bằng

(1.829), Bắc Kạn (1.786), Hải Dương (1.778), Bình Định (1.705), Cà Mau (1.660), Hưng Yên (1.493), Bình Dương (1.486), Quảng Trị (1.478), Hà Nam (1.432), Bắc Ninh (1.416), Lâm Đồng (1.370), Điện Biên (1.248), Lai Châu (1.231), Hòa Bình (1.197), Vĩnh Long (1.177), Bến Tre (972), Bình Phước (959), Ninh Bình (917), Tây Ninh (872), Hồ Chí Minh (849), Phú Yên (761), Đắk Nông (754), Kon Tum (750), Đà Nẵng (743), Thừa Thiên Huế (681), Nam Định (655), Trà Vinh (626), Thanh Hóa (618), Quảng Ngãi (591), Bà Rịa - Vũng Tàu (583), Khánh Hòa (403), Hải Phòng (339), Quảng Nam (320), Bình Thuận (205), Bạc Liêu (173), Kiên Giang (148), Long An (146), An Giang (116), Cần Thơ (90), Đồng Nai (81), Ninh Thuận (31), Hậu Giang (27), Đồng Tháp (20), Sóc Trăng (15), Tiền Giang (14)

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Hà Nội (+629), Đắk Lắk (+466), Bình Dương (+257).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Gia Lai (-1.945), Bắc Ninh (-1.174), Phú Thọ (-1.041).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 62.043 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 67,5% tổng số mắc trong ngày), giảm 8.717 ca so với ngày trước đó.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 3.457 ca cộng đồng (tăng 1.445 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 1.260.268 ca.

+ Tỉnh Đắk Lắk: Trong ngày ghi nhận 3.414 ca cộng đồng (tăng 443 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 128.339 ca.

+ Tỉnh Yên Bái: Trong ngày ghi nhận 2.994 ca thông qua sàng lọc (giảm 524 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 100.569 ca.

+ Tỉnh Lạng Sơn: Trong ngày ghi nhận 2.972 ca cộng đồng (tăng 94 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 131.133 ca.

+ Tỉnh Phú Thọ: Trong ngày ghi nhận 2.439 ca thông qua sàng lọc (giảm 689 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 348.220 ca.- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Yên Bái tăng 6.491 ca, Bắc Kạn tăng 3.062 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: TP. Hà Nội (giảm 47.838 ca), Nghệ An (giảm 15.079 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 5.349.161 người đã khỏi bệnh (59,4%), tăng 185.861 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 3.617.237 trường hợp, trong đó có 3.447 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 2.868 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 205; (3) Thở máy không xâm lấn: 74; (4) Thở máy xâm lấn: 295; (5) EMO: 5.

- Trong ngày 26/3, ghi nhận 62 trường hợp tử vong (tăng 11 ca so với ngày trước đó), tại: Cà Mau (11), Bình Định (7 ca trong 2 ngày), Bình Dương (4), Đà Nẵng (4 ca trong 2 ngày), Trà Vinh (4 ca trong 2 ngày), Phú Yên (3 ca trong 2 ngày), Bắc Giang (2), Bạc Liêu (2), Cao Bằng (2), Gia Lai (2), Hải Dương (2), Khánh Hòa (2), Lạng Sơn (2), Quảng Ninh (2), Tây Ninh (2), An Giang (1), Bà Rịa - Vũng Tàu (1), Bến Tre (1), Hà Nội (1), Hà Tĩnh (1), Quảng Bình (1), Quảng Nam (1), Sóc Trăng (1), Thái Bình (1), TP. Hồ Chí Minh (1), Vĩnh Long (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Chỉ đạo các địa phương tổ chức tiêm liều nhắc lại vắc xin phòng COVID-19, theo đó người đã tiêm đủ liều cơ bản bằng vắc xin mRNA (vắc xin do Pfizer hoặc

Moderna sản xuất) có thể tiêm liều nhắc lại bằng vắc xin do Astrazeneca sản xuất, thời gian tiêm tối thiểu là 03 tháng sau tiêm mũi cuối cùng của liều cơ bản.

- Tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch, sự xuất hiện của các biến chủng mới; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về các biến chủng; Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch; đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 26/3/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 43.742.674 mẫu cho 87.668.634 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 38.009.510 mẫu tương đương 83.920.695 lượt người, tăng 143.238 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.985.658 mẫu gộp cho 49.426.799 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận đến ngày 26/3/2022 là 227,8 triệu liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	31.436.236	33.630.840	13.572.980	19.671.460	386.400	65.067.076
2	Pfizer	50.999.130	38.653.080	34.061.040	4.592.040	0	89.652.210
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	107.435.366	120.381.278	61.731.580	31.786.300	26.863.398	227.816.644
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						205.230.544
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin chưa phân bổ						22.086.100

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 227,8 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 205,2 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 22 triệu liều chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin, ngoài ra một lượng lớn vắc xin Pfizer đang chờ được cung ứng nước muối sinh lý pha tiêm đi kèm.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 25/3/2022

Cả nước đã tiêm 205.002.757 liều (trong ngày tiêm được 141.057 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 99,9% số vắc xin phân bổ 135 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng ¹	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	99,6%	47,4%
Trẻ em (12-17 tuổi)	99,6%	94,7%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 187.854.554 liều:

+ Mũi 1: 71.209.267 liều

+ Mũi 2: 69.486.231 liều ; Mũi bổ sung: 14.817.244 liều.

+ Mũi 3: 32.341.812 liều

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.148.203 liều:

+ Mũi 1: 8.787.891 liều

+ Mũi 2: 8.360.312 liều.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Số ca mắc cộng đồng trung bình 80.000 ca/ngày và tử vong trung bình 63 ca/ngày trong tuần qua. Dù dịch bệnh trên thế giới còn diễn biến phức tạp nhưng Việt Nam đến nay đã kiểm soát tốt dịch bệnh, tỷ lệ mắc bệnh nặng, tử vong liên tục giảm sâu trong thời gian qua và đến nay tỷ lệ tử vong ở mức thấp so với các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Về công tác y tế:

(1) Triển khai bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên. Trước mắt tiêm vắc xin phòng COVID-19 miễn phí cho người dân; sau khi tiêm đủ liều bổ sung, từng bước nghiên cứu cơ chế tiêm vắc xin dịch vụ sau khi tiêm đủ 3 mũi

(2) Nâng cao năng lực tư vấn, hỗ trợ điều trị COVID-19, dự phòng cơ sở thuốc kháng vi rút, thuốc hỗ trợ điều trị COVID-19, vật tư y tế cần thiết...tại các trạm y tế phường, xã, trạm y tế lưu động nhằm đáp ứng nhu cầu tự điều trị COVID-19 tại nhà của người dân và giảm tải cho các cơ sở y tế, bệnh viện tuyến trên. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tư vấn hỗ trợ người dân tự điều trị tại nhà”.

(3) Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vi rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu. Phân bổ đủ thuốc kháng vi rút để phục vụ

¹ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

công tác điều trị người bệnh COVID-19. Khuyến khích thành lập các mô hình đội tình nguyện; huy động sự tham gia của các tổ chức tôn giáo, tình nguyện viên... để tổ chức triển khai hoạt động chăm sóc F0 dựa vào cộng đồng; về cơ bản chuyển điều trị tại cộng đồng.

(4) Tăng cường đảm bảo an toàn phòng, chống dịch trong các khu công nghiệp, trường học; kiểm tra phòng, chống dịch tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhất là tại bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, sân bay, bến xe...

(5) Tiếp tục đơn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị khẩn trương nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

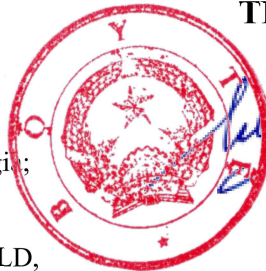
2. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm, hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP và Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022; linh hoạt tăng cấp độ phòng, chống dịch (từ cấp độ 3 lên cấp độ 4) ở một số khu vực có diễn biến dịch phức tạp để nhanh chóng kiểm soát tình hình, ngăn chặn hiệu quả lây nhiễm. Thực hiện hiệu quả nguyên tắc: 5K+ vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân.

3. Tiếp tục vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm và mọi tầng lớp nhân dân tham gia hỗ trợ công tác phòng, chống dịch COVID-19. Đẩy mạnh công tác nắm tình hình tại cơ sở trong phòng, chống dịch, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 26/3	Số mắc ngày 27/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 27/3	Số tử vong tích lũy đến 26/3
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		103.124	91.916	- 11.208	9.003.560	42.223
1	Hà Nội	9.623	10.252	629	1.260.268	1.206
2	Hồ Chí Minh	1059	849	-210	591.198	20.465
3	Nghệ An	4.362	3.976	-386	377.041	135
4	Bình Dương	1229	1486	257	372.549	3.438
5	Hải Dương	1.952	1.778	-174	336.060	106
6	Bắc Ninh	2.590	1.416	-1.174	318.864	131
7	Vinh Phúc	2582	2768	186	317.015	19
8	Bắc Giang	4000	3997	-3	299.911	84
9	Nam Định	817	655	-162	282.802	144
10	Quảng Ninh	2640	2553	-87	267.809	113
11	Phú Thọ	4679	3638	-1.041	262.537	78
12	Hưng Yên	1830	1493	-337	207.314	5
13	Thái Bình	2865	2798	-67	196.936	21
14	Hòa Bình	1815	1197	-618	189.215	101
15	Thái Nguyên	2500	2435	-65	160.073	98
16	Lào Cai	3557	3430	-127	139.557	33
17	Cà Mau	1840	1660	-180	135.475	344
18	Thanh Hóa	766	618	-148	130.685	101
19	Lạng Sơn	3010	3121	111	131.133	69
20	Sơn La	2384	2206	-178	129.454	
21	Đắc Lắc	3443	3909	466	128.339	143
22	Tuyên Quang	2180	2092	-88	126.191	13
23	Tây Ninh	1338	872	-466	123.314	862
24	Bình Định	1775	1705	-70	118.425	266
25	Hải Phòng	483	339	-144	114.206	135
26	Khánh Hòa	534	403	-131	113.150	340
27	Bình Phước	1045	959	-86	107.057	211
28	Đồng Nai	105	81	-24	105.805	1.813
29	Yên Bái	3995	3977	-18	100.569	11
30	Quảng Bình	2626	2501	-125	97.538	71
31	Hà Giang	2659	2518	-141	96.433	77
32	Đà Nẵng	655	743	88	90.897	323
33	Ninh Bình	1521	917	-604	87.179	87
34	Bến Tre	808	972	164	86.800	432
35	Vĩnh Long	1601	1177	-424	85.433	795
36	Điện Biên	1542	1248	-294	75.540	16
37	Lâm Đồng	1786	1370	-416	74.480	118
38	Cao Bằng	1949	1829	-120	73.545	42
39	Hà Nam	1507	1432	-75	68.211	58
40	BRVT	629	583	-46	65.134	479
41	Quảng Trị	1537	1478	-59	65.976	33
42	Trà Vinh	933	626	-307	60.602	274
43	Lai Châu	1671	1231	-440	59.507	
44	Đồng Tháp	27	20	-7	49.547	982
45	Cần Thơ	83	90	7	48.676	928
46	Gia Lai	1945		-1.945	48.456	93
47	Bình Thuận	375	205	-170	48.068	457

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 26/3	Số mắc ngày 27/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 27/3	Số tử vong tích lũy đến 26/3
48	Long An	152	146	-6	46.772	990
49	Phú Yên	938	761	-177	46.019	120
50	Đắc Nông	826	754	-72	45.522	43
51	Bạc Liêu	227	173	-54	44.275	438
52	Bắc Kạn	2159	1786	-373	44.472	18
53	Quảng Nam	315	320	5	42.501	130
54	An Giang	170	116	-54	38.845	1.357
55	T.T.Huế	668	681	13	39.075	172
56	Kiên Giang	142	148	6	37.715	960
57	Quảng Ngãi	651	591	-60	37.240	117
58	Hà Tĩnh	926		-926	36.532	33
59	Tiền Giang	11	14	3	36.007	1.220
60	Sóc Trăng	78	15	-63	33.834	599
61	Kon Tum	927	750	-177	24.233	
62	Hậu Giang	39	27	-12	17.242	219
63	Ninh Thuận	43	31	-12	8.302	57
14 ngày qua không có lấy nhiệm vụ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVND TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	103.124	91.916	-11.208	9.003.762	42.223

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 26/3/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
1	Hà Nội	17.746.562	6.230.923	6.001.378	0	232.880	4.120.403	702.547	676.455	17.964.586	101,2%
2	Hải Phòng	4.421.396	1.696.526	1.619.633	0	559.479	344.028	173.514	174.432	4.567.612	103,3%
3	Thái Bình	3.160.320	1.160.150	1.196.681	98.550	285.978	433.373	151.914	146.698	3.473.344	109,9%
4	Nam Định	3.209.500	1.145.991	1.131.614	0	58.539	812.308	158.398	156.097	3.462.947	107,9%
5	Hà Nam	1.823.260	583.298	574.336	0	276.359	262.083	71.440	69.249	1.836.765	100,7%
6	Ninh Bình	1.741.280	675.426	668.271	0	235.215	315.978	82.166	78.443	2.055.499	118,0%
7	Thanh Hoá	7.735.680	2.205.107	2.145.276	290.250	421.014	1.338.064	283.977	281.834	6.965.522	90,0%
8	Bắc Giang	3.702.018	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.070.731	149.985	149.460	4.123.723	111,4%
9	Bắc Ninh	3.119.990	1.137.037	1.094.615	0	360.434	492.877	115.527	108.163	3.308.653	106,0%
10	Phú Thọ	2.482.660	1.003.033	1.000.357	0	287.365	412.170	130.324	126.537	2.959.786	119,2%
11	Vĩnh Phúc	2.302.560	794.927	774.012	0	242.789	399.697	116.231	113.024	2.440.680	106,0%
12	Hải Duong	3.317.176	1.335.771	1.284.615	5.429	101.139	539.423	157.247	154.587	3.578.211	107,9%
13	Hưng Yên	2.457.762	822.811	798.818	0	307.914	358.790	110.591	110.075	2.508.999	102,1%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
14	Thái Nguyên	2.407.650	914.019	888.549	12.792	207.408	289.795	108.213	106.691	2.527.467	105,0%
15	Bắc Cạn	600.140	220.102	217.826	0	13.881	92.805	25.371	23.816	593.801	98,9%
16	Quảng Ninh	3.281.368	1.013.444	987.870	0	21.625	900.410	124.328	120.979	3.168.656	96,6%
17	Hoà Bình	1.655.130	556.156	528.849	758	240.487	180.814	76.353	72.757	1.656.174	100,1%
18	Nghệ An	5.647.240	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	110,5%
19	Hà Tĩnh	2.270.650	802.794	737.965	0	271.495	182.935	113.667	111.801	2.220.657	97,8%
20	Lai Châu	785.810	257.115	247.044	529	108.387	100.123	54.303	48.419	815.920	103,8%
21	Lạng Sơn	1.741.530	511.134	502.167	0	0	429.288	66.528	62.859	1.571.976	90,3%
22	Tuyên Quang	1.425.200	493.360	490.620	0	40.926	309.527	70.237	67.026	1.471.696	103,3%
23	Hà Giang	1.732.720	489.479	476.096	529	182.320	225.274	88.660	84.838	1.547.196	89,3%
24	Cao Bằng	995.520	350.803	332.552	0	73.189	126.892	45.548	41.433	970.417	97,5%
25	Yên Bái	1.643.174	517.918	508.639	0	265.282	213.400	79.491	75.817	1.660.547	101,1%
26	Lào Cai	1.539.820	467.164	456.292	0	256.650	135.779	81.260	75.135	1.472.280	95,6%
27	Sơn La	1.839.820	740.807	703.224	2.334	0	324.940	142.350	132.475	2.046.130	111,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
28	Điện Biên	1.145.460	335.759	318.704	0	228.303	83.847	72.701	58.834	1.098.148	95,9%
Cộng miền Bắc		85.931.396	29.772.151	28.972.291	910.204	6.009.579	15.114.382	3.834.009	3.695.886	88.308.502	102,8%
29	Quảng Binh	1.562.332	537.657	520.922	0	166.897	173.035	80.432	73.080	1.552.023	99,3%
30	Quảng Trị	1.306.372	433.445	416.620	10.601	65.595	220.262	64.923	60.534	1.271.980	97,4%
31	TT- Huế	2.428.386	787.262	767.051	0	276.019	310.829	104.181	98.539	2.343.881	96,5%
32	Tp. Đà Nẵng	2.495.632	865.172	856.271	0	82.194	630.225	102.158	99.989	2.636.009	105,6%
33	Quảng Nam	3.189.860	1.079.070	1.042.290	32.127	397.941	292.728	132.605	130.337	3.107.098	97,4%
34	Quảng Ngãi	2.755.364	852.824	801.395	0	109.313	421.957	113.712	111.101	2.410.302	87,5%
35	Bình Định	2.974.270	1.049.784	1.016.404	53.893	360.074	339.061	141.431	139.288	3.099.935	104,2%
36	Phú Yên	1.732.454	626.584	599.031	502	78.397	274.308	85.663	80.866	1.745.351	100,7%
37	Khánh Hòa	2.757.854	979.700	952.919	0	395.584	353.763	122.089	115.526	2.919.581	105,9%
38	Ninh Thuận	1.233.610	432.269	403.235	0	152.578	170.867	61.694	58.901	1.279.544	103,7%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
39	Bình Thuận	2.720.780	915.237	887.896	7.207	271.797	181.648	132.154	128.046	2.523.985	92,8%
Cộng miền Trung		25.156.914	8.559.004	8.264.034	104.330	2.356.389	3.368.683	1.141.042	1.096.207	24.889.689	98,9%
40	Kon Tum	1.026.100	321.380	321.310	10.696	94.044	108.929	58.967	55.533	970.859	94,6%
41	Gia Lai	2.759.482	996.091	922.137	78.914	216.022	280.676	167.610	145.125	2.806.575	101,7%
42	Đắk Lắk	3.430.970	1.259.892	1.200.783	0	518.577	264.285	178.061	164.158	3.585.756	104,5%
43	Đắk Nông	1.288.580	403.221	399.452	0	210.602	136.306	68.070	65.742	1.283.393	99,6%
Cộng Tây Nguyên		8.505.132	2.980.584	2.843.682	89.610	1.039.245	790.196	472.708	430.558	8.646.583	101,7%
44	TP. HCM	20.329.820	7.395.564	6.681.623	0	680.007	4.232.566	728.826	684.199	20.402.785	100,4%
45	BR-VT	2.756.640	971.107	910.837	0	19.020	635.693	110.539	109.284	2.756.480	100,0%
46	Đồng Nai	6.663.800	2.722.097	2.358.923	0	173.471	609.986	284.677	274.559	6.423.713	96,4%
47	Tiền Giang	3.821.466	1.325.314	1.279.087	131.111	105.165	785.885	156.899	158.113	3.941.574	103,1%
48	Long An	4.337.696	1.501.535	1.465.071	0	22.864	1.142.790	171.747	157.212	4.461.219	102,8%
49	Lâm Đồng	2.991.030	982.791	966.355	0	526.500	241.645	138.865	120.218	2.976.374	99,5%
50	Tây Ninh	2.606.794	948.905	895.499	0	32.471	507.711	109.066	100.641	2.594.293	99,5%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
51	Cần Thơ	2.766.418	944.466	943.700	6.003	342.713	295.103	110.202	102.643	2.744.830	99,2%
52	Sóc Trăng	2.583.664	899.036	865.520	0	670.511	48.563	116.852	111.026	2.711.508	104,9%
53	An Giang	4.085.900	1.364.056	1.346.000	191.426	440.146	300.540	204.041	188.953	4.035.162	98,8%
54	Bến Tre	3.005.278	1.023.827	1.007.809	0	471.715	255.892	106.936	104.867	2.971.046	98,9%
55	Trà Vinh	2.098.550	698.874	685.171	0	14.376	493.521	98.456	90.955	2.081.353	99,2%
56	Vĩnh Long	2.337.120	778.900	764.904	0	290.632	338.787	92.890	88.112	2.354.225	100,7%
57	Đồng Tháp	3.659.806	1.160.481	1.200.662	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.346.514	91,4%
58	Bình Dương	6.422.152	2.633.972	2.196.314	0	163.789	1.304.378	199.855	167.983	6.666.291	103,8%
59	Bình Phước	2.267.174	752.901	721.775	0	214.782	214.959	109.584	100.949	2.114.950	93,3%
60	Kiên Giang	3.790.150	1.238.102	1.174.115	68.630	0	485.416	167.347	159.082	3.292.692	86,9%
61	Cà Mau	2.492.410	819.787	809.044	0	436.097	125.606	112.601	111.924	2.415.059	96,9%
62	Bạc Liêu	1.624.224	568.547	560.379	0	180.374	211.786	88.822	86.188	1.696.096	104,4%
63	Hậu Giang	1.529.630	532.738	514.703	0	253.756	133.052	74.042	71.613	1.579.904	103,3%
Cộng miền		82.169.722	29.263.000	27.347.491	397.318	5.412.031	12.668.435	3.340.132	3.137.661	81.566.068	99,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
	Nam										

Ghi chú:

- 173.250 liều vắc xin Moderna đợt 134 và 286.518 liều vắc xin Pfizer đợt 135 có Quyết định phân bổ ngày 18/3/2022
- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 67.130 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.455.656 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 361.653 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.
- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 26/3/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	75,6%	100,0%	100,0%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	23,8%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	93,2%	96,1%	34,8%	100,0%	97,8%
4	Nam Định	1.159.000	159.266	98,9%	97,6%	70,1%	99,5%	98,0%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,3%	93,8%	42,8%	98,9%	95,8%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	100,0%	100,0%	47,5%	100,0%	95,9%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	60,7%	99,5%	98,7%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	83,6%	100,0%	99,6%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,2%	95,5%	43,0%	99,0%	92,7%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,3%	99,0%	40,8%	100,0%	98,3%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	98,0%	50,6%	100,0%	97,5%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,4%	95,6%	40,1%	99,8%	98,1%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	43,4%	98,0%	97,6%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,8%	31,6%	100,0%	98,8%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	100,0%	98,9%	42,2%	100,0%	94,5%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	99,3%	96,8%	88,3%	100,0%	99,5%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	97,5%	92,8%	31,7%	100,0%	98,7%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	92,8%	23,0%	98,5%	96,9%
20	Lai Châu	261.410	52.540	98,4%	94,5%	38,3%	100,0%	92,2%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	99,2%	84,8%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,0%	63,4%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	99,9%	97,2%	46,0%	98,6%	94,3%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,1%	90,1%	34,4%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,7%	41,8%	100,0%	95,8%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	30,5%	100,0%	94,0%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,0%	95,4%	44,1%	100,0%	93,5%
28	Điện Biên	339.186	67.539	99,0%	94,0%	24,7%	100,0%	87,1%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.786.256	100,0%	100,0%	52,5%	100,0%	97,6%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	99,3%	96,2%	31,9%	100,0%	91,9%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,6%	91,8%	48,6%	99,1%	92,4%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,4%	39,9%	100,0%	95,5%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,8%	96,7%	71,2%	99,9%	97,8%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	99,3%	95,9%	26,9%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	94,0%	49,5%	99,0%	96,7%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,1%	91,2%	30,4%	96,5%	95,1%
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,4%	92,2%	42,2%	100,0%	94,4%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	100,0%	37,1%	95,0%	90,0%
38	Ninh Thuận	409.689	57.230	100,0%	98,4%	41,7%	100,0%	100,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,4%	20,1%	100,0%	99,3%
Cộng miền Trung		8.629.332	1.152.519	99,2%	95,8%	39,0%	99,0%	95,1%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,9%	94,9%	32,2%	97,1%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	97,1%	29,5%	100,0%	87,2%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,5%	94,8%	20,9%	95,9%	88,4%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,7%	33,7%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	481.800	100,0%	96,1%	26,7%	98,1%	89,4%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	97,9%	62,0%	87,6%	82,3%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,2%	66,5%	98,1%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	94,7%	24,5%	100,0%	94,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,3%	60,4%	99,0%	99,7%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	78,7%	100,0%	93,8%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,4%	24,9%	100,0%	91,2%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,8%	53,2%	100,0%	97,4%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,6%	99,6%	31,1%	97,7%	91,0%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,4%	98,1%	21,9%	100,0%	95,0%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,5%	97,0%	24,6%	100,0%	100,0%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	70,7%	100,0%	94,5%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,5%	44,1%	100,0%	96,1%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,4%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.066.553	180.024	100,0%	100,0%	63,1%	100,0%	93,3%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,2%	95,1%	28,3%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,6%	40,8%	96,8%	92,0%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	15,4%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	97,9%	37,0%	97,8%	94,9%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,4%	96,0%	24,8%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		27.828.051	3.406.718	100,0%	98,3%	45,5%	100,0%	92,1%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 25/3/2022 đến 16h00 ngày 26/3/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 4.513 lượt người (nhập cảnh: 2.004, xuất cảnh: 2.509).
- + Tuyến VN-TQ: 361 lượt người (nhập cảnh: 85, xuất cảnh: 276).
- + Tuyến VN-Lào: 2.093 lượt người (nhập cảnh 1.016, xuất cảnh: 1.077).
- + Tuyến VN-CPC: 2.059 lượt người (nhập cảnh 903; xuất cảnh: 1.156).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 219 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 112 người (VN-TQ: 07; VN-Lào: 105, VN-CPC: 0).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 101 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 0, VN-CPC: 101).
 - + Số người trao trả: 06 người (VN-TQ: 06; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 24/3/2022 tới ngày 25/3/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 4.182 lượt người (nhập cảnh: 2.689 lượt người; xuất cảnh: 1.493 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 6.504 lượt người (nhập cảnh: 3.140 lượt người; xuất cảnh: 3.364 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 27/3, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 16 tin/bài tiếng Việt; 34 ảnh trong nước và quốc tế; 6 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 3 tin đồ họa về dịch bệnh COVID-19 ở Việt Nam và trên thế giới.

TTXVN tập trung phản ánh chỉ đạo của lãnh đạo Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch COVID-19; chỉ đạo, kiến nghị của Bộ Y tế về phòng, chống dịch COVID-19; từng bước khôi phục kinh tế trong bối cảnh có dịch; du lịch dân khôi phục trở lại tại các địa phương; nỗ lực kiểm soát dịch COVID-19 ở các địa phương; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định phòng, chống dịch COVID-19...

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 25/3, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.508.000 cuộc gọi (ngày 25/3 đã tiếp nhận và xử lý hơn 3 nghìn cuộc gọi).

13/3	14/3	15/3	16/3	17/3	18/3	19/3	20/3	21/3	22/3	23/3	24/3	25/3
4024	5251	5319	5351	5637	5835	5095	4094	4337	3910	4140	4155	3589

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 25/3/2022 đã tiếp nhận hơn 313 nghìn cuộc (ngày 25/3/2022 đã tiếp nhận 31 cuộc).

Tiêu chí	13/3	14/3	15/3	16/3	17/3	18/3	19/3	20/3	21/3	22/3	23/3	24/3	25/3
Cuộc gọi đến	31	34	37	29	41	32	27	23	26	29	32	36	31

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 41.536.011, chiếm 43,30% dân số, 62,29% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.782.988 điểm đăng ký

+ Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 271.700.870

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 204.861.158

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 191.472.294

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,46%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.539.789

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCĐ Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

- Tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương: triệt phá đường dây tiêu thụ thuốc tân dược trị COVID-19; đảm bảo an toàn phòng dịch khi mở lại các hoạt động ngoài trời...

- Tiếp tục hướng dẫn, khuyến cáo việc điều trị F0, cách sử dụng các loại thuốc an toàn; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

- Thống kê trên Cổng thông tin tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19, đến chiều ngày 25/3, cả nước đã tiêm hơn 204,5 triệu liều vắc xin phòng COVID-19, riêng ngày 24/3 đã tiêm 324.321 liều vắc xin. Đến nay đã có 57/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 vắc xin phòng COVID-19 trên 90%; Còn lại 6/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 90%.

- Chiều 25/3, tại Bộ Y tế, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) tại Việt Nam đã bàn giao các trang thiết bị y tế và vật tư phục vụ tiêm vắc xin phòng COVID-19 trị giá 1 triệu USD cho Việt Nam để hỗ trợ công tác phòng chống COVID-19.

- Chiều 25/3, tại Bộ Y tế đã diễn ra lễ tiếp nhận viện trợ vật tư y tế của Israel. Theo đó, số vật tư y tế gồm 200 máy theo dõi bệnh nhân và 100 máy bơm kim tiêm điện, trị giá hơn 250.000 USD sẽ được Bộ Y tế phân bổ cho Bệnh viện E và Bệnh viện Nội tiết TW.

- Bộ Y tế Lào ngày 24/3 cho biết nước này đã bắt đầu triển khai tiêm liều vắc xin thứ 4 ngừa COVID-19 cho các nhóm ưu tiên và người từ 18 tuổi trở lên. Đây là liều sẽ được tiêm cho những người đã tiêm mũi thứ ba (mũi tăng cường) trước đó đủ 3 tháng trở lên. Các nhóm ưu tiên sẽ được xếp lần lượt theo thứ tự gồm: nhân viên tuyến đầu, những người trên 60 tuổi và những người có bệnh nền. Thông báo cũng cho biết, hai loại vắc xin cho mũi nhắc lại (mũi 3 và mũi 4) là vắc xin của AstraZeneca và của Pfizer.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương:

- Thành phố Hồ Chí Minh:

+ TAND TP.HCM đã tuyên phạt Thạch Thị Hoa (Giám đốc Công ty TNHH sản xuất - thương mại thiết bị TTH) 13 năm tù về tội sản xuất mua bán hàng giả và phạt bổ sung 50 triệu đồng. Đây là vụ án liên quan đến việc lợi dụng dịch COVID-19 để sản xuất, buôn bán găng tay y tế giả.

+ Dù tình hình dịch COVID-19 tại TP.HCM đã "hạ nhiệt" nhưng vẫn có tình trạng giả mạo nhân viên của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật TP (HCDC) yêu cầu người dân cung cấp thông tin để được đưa đi cách ly. Qua sự việc trên, HCDC khuyến cáo người dân hãy nâng cao cảnh giác trước các trường hợp giả mạo nhân viên y tế, nhân viên HCDC nhằm mục đích xấu.

- Hà Nội:

+ Theo Sở Y tế Hà Nội, thành phố đã bước qua đỉnh dịch, tuy nhiên không được phép chủ quan mà cần tiếp tục thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch và theo dõi diễn biến trong thời gian tới. Sở Giáo dục và Đào tạo cũng cho biết đến nay công tác phòng, chống dịch tại các trường đã đi vào nề nếp, đảm bảo yêu cầu của ngành y tế và ngành giáo dục. Số cán bộ giáo viên, học sinh có yếu tố dịch tễ tiếp tục giảm. Số học sinh đi học trực tiếp tăng lên nhiều.

+ Hà Nội đang kiểm soát tốt tình hình dịch COVID-19 với số ca F0 giảm mạnh so với tuần trước, tỷ lệ bệnh nhân nặng, nguy kịch cũng giảm. UBND TP Hà Nội đề nghị các đơn vị, địa phương tiếp tục hiện thực các quy định phòng, chống dịch, tuyệt đối "không được chủ quan, lơ là" với dịch COVID-19. Đồng thời triển khai các biện pháp

bảo vệ nhóm người có nguy cơ cao, hạn chế số ca F0 chuyển nặng để giảm tối đa nguy cơ tử vong.

Về việc tổ chức bán trú cho học sinh, TP thống nhất chủ trương, giao Sở GDĐT xem xét bảo đảm phù hợp tình hình thực tế trong công tác phòng chống dịch hiện nay và điều kiện cụ thể của từng địa phương, trường, lớp, được sự đồng thuận của gia đình, phụ huynh học sinh.

- Phú Thọ: ngày 25/3, UBND tỉnh Phú Thọ đã chỉ đạo tổ chức dạy học phù hợp với tình hình, diễn biến dịch COVID-19. Theo đó, đối với giáo dục mầm non, các cơ sở giáo dục căn cứ tình hình, điều kiện thực tế phối hợp với phụ huynh thống nhất phương án chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp, trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19.

Đối với giáo dục Tiểu học, Trung học Cơ sở, UBND các huyện, thị, thành phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục trực thuộc, phối hợp với cơ quan y tế đánh giá thực trạng về tình hình dịch COVID-19 trên địa bàn; quyết định hình thức tổ chức dạy học phù hợp (trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến từ ngày 28/3). Ưu tiên bố trí dạy học trực tiếp đối với học sinh lớp 9.

Đối với Trung học Phổ thông, Giáo dục thường xuyên, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với UBND huyện, thị, thành thống nhất, quyết định việc tổ chức dạy học phù hợp với tình hình, diễn biến dịch bệnh đối với từng cơ sở giáo dục. Ưu tiên bố trí dạy học trực tiếp đối với học sinh lớp 12.

- Đà Nẵng: việc triển khai hỗ trợ F0 đăng ký, nhận giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội trực tuyến đang nhận được phản hồi tích cực từ người dân. Trước đó, Sở TT&TT TP Đà Nẵng đã bổ sung một số tính năng khai, đăng ký trực tuyến trước để cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội trên Ứng dụng quản lý, hỗ trợ F1, F0 cách ly, điều trị tại nhà.

- Lạng Sơn tiếp nhận phương tiện, thiết bị y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh. Ngày 25/3, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Lạng Sơn tổ chức lễ tiếp nhận 2 xe cứu thương, 500 giường y tế và 20 máy thở HFNC do Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long, Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Công nghệ Kỹ thuật TNT trao tặng.

- Sơn La: Để tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ bệnh nhân F0 điều trị tại nhà, các địa phương trong tỉnh Sơn La đã thành lập thêm nhiều trạm y tế lưu động và bổ sung các điểm cấp phát thuốc.